Bộ Xây dựng
19-09-2023
16:55:26 +07:00

| BỘ XÂY DỰNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 4203/BXD-QLN | *Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2023* |
| V/v: Thực hiện việc công bố thông tin Quý III năm 2023 về nhà ở và thị trường bất động sản | |

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ công bố thông tin về Nhà ở và Thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, Bộ Xây dựng định kỳ hàng quý đã có công văn gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị thực hiện việc công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các địa phương có thực hiện báo cáo, ngày 03/08/2023, Bộ Xây dựng đã tiến hành việc công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý II năm 2023 trên website của Bộ Xây dựng và một số cơ quan truyền thông. Đồng thời, Bộ Xây dựng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 148/BC-BXD ngày 02/08/2023.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/06/2022 của Chính phủ, đồng thời nhằm khắc phục tình trạng một số địa phương không gửi báo cáo, gửi báo cáo không đúng thời gian quy định, số liệu báo cáo không đầy đủ, không đúng theo biểu mẫu quy định, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan tại địa phương tiếp tục thực hiện một số nội dung:

1. Hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin và thường xuyên cập nhật, công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/06/2022 của Chính phủ.

2. Đánh giá tình hình thị trường bất động sản Quý III năm 2023:

2.1. Các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan có thẩm quyền thuộc tỉnh ban hành đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

2.2. Tình hình ban hành các chương trình, kế hoạch phát triển nhà.

2.3. Tình hình chung của thị trường bất động sản tại địa phương:

- Số lượng dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư.

- Số lượng các dự án phát triển nhà ở, dự án bất động sản được cấp phép, đang triển khai, đã hoàn thành.

- Số lượng dự án, căn hộ đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai (bao gồm nhà ở thương mại, nhà ở xã hội).

- Lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

- Giá nhà ở và một số loại hình bất động sản khác (chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền, nhà ở xã hội).

- Giá cho thuê văn phòng; mặt bằng thương mại; khách sạn, du lịch nghỉ dưỡng; bất động sản công nghiệp.

- Tồn kho bất động sản.

2.4. Khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản trên địa bàn, đề xuất giải pháp tháo gỡ (nếu có).

3. Báo cáo tình hình triển khai đầu tư phát triển nhà ở xã hội và thực hiện gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội trên địa bàn.

4. Chỉ đạo các Sở, ngành tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng các nội dung liên quan đến thông tin nhà ở và thị trường bất động sản theo Phụ lục gửi kèm văn bản này.

- Thời gian gửi báo cáo: ***trước ngày 30/09/2023.***

- Báo cáo gửi về Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Bộ Xây dựng; bản điện tử gửi về hộp thư: lemanhlinh@moc.gov.vn.

*(Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ Đ/c Hoàng Thu Hằng, Trưởng phòng Quản lý thị trường bất động sản - Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Bộ Xây dựng. Số điện thoại: 0912892466)*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Sở Xây dựng các tỉnh, TP;
- Lưu: VT, QLN (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Sinh**

# PHỤ LỤC

*(Đính kèm công văn số:4203 /BXD-QLN ngày 19../9../2023)*

## I. Tình hình thị trường bất động sản Quý III/2023

1. Tổng quan tình hình thị trường bất động sản

2. Đánh giá tình hình thị trường bất động sản

## II. Tổng hợp số liệu báo cáo trong Quý III/2023

1. Về dự án phát triển nhà ở thương mại

Biểu 1

| STT | Dự án nhà ở TM | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên Dự án | Địa điểm | Quy mô | | Đã được chấp thuận CTĐT | Đã lựa chọn Nhà đầu tư | | |
| | | | Diện tích | Tổng mức đầu tư | | Đấu thầu | Đấu giá | Chỉ định nhà đầu tư |
| | | | | | | | | |
| *Tổng* | | - | - | - | - | - | - | - |

Biểu 2

| Đơn vị báo cáo | Dự án nhà ở TM | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Được cấp phép trong quý | | | Đang triển khai trong quý | | | Hình thành trong tương lai đủ đk bán trong quý | | | Hoàn thành trong quý | | |
| | Số lượng dự án | Số lượng chung cư (căn) | Số lượng nhà riêng lẻ (căn) | Số lượng dự án | Số lượng chung cư (căn) | Số lượng nhà riêng lẻ (căn) | Số lượng dự án | Số lượng chung cư (căn) | Số lượng nhà riêng lẻ (căn) | Số lượng dự án | Số lượng chung cư (căn) | Số lượng nhà riêng lẻ (căn) |
| | | | | | | | | | | | | |
| *Tổng* | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

2. Về dự án cho phép chuyển nhượng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng để xây dựng nhà ở (đất nền)

| Đơn vị báo cáo | Dự án cho phép chuyển nhượng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng để xây dựng nhà ở | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Được cấp phép mới trong quý | | Đang triển khai trong quý | | Hoàn thành trong quý | |
| | Số lượng dự án | Số lượng (ô/nền) | Số lượng dự án | Số lượng (ô/nền) | Số lượng dự án | Số lượng (ô/nền) |
| | | | | | | |
| *Tổng* | - | - | - | - | - | - |

3. Về dự án nhà ở xã hội

3.1 Số liệu về các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trên địa bàn

| TT | Dự án nhà ở xã hội | Dự án đang triển khai trong quý | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư | | | Dự án được cấp giấy phép xây dựng | | Dự án đang triển khai xây dựng | | Dự án đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai | | Dự án hoàn thành | |
| | | Tổng số dự án | Tổng số lượng căn hộ | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Tổng số dự án | Tổng số lượng căn hộ | Tổng số dự án | Tổng số lượng căn hộ | Tổng số dự án | Tổng số lượng căn hộ | Tổng số dự án | Tổng số lượng căn hộ |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 1 | Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị | | | | | | | | | | | |
| 2 | Nhà ở xã hội cho công nhân Khu công nghiệp, Khu chế xuất | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:
- cột số (3), (4), (5) báo cáo về dự án mới được Chấp thuận chủ trương đầu tư trong quý.
- cột số (6), (7) báo cáo về dự án mới được cấp phép xây dựng trong quý.
- cột số (8), (9) báo cáo về dự án đã được Chấp thuận chủ trương đầu tư, đã được cấp Giấy phép xây dựng (hoặc miễn giấy phép theo quy định của pháp luật về xây dựng) đang triển khai xây dựng trong quý, bao gồm cả các dự án đã triển khai xây dựng từ Quý báo cáo trước nhưng chưa hoàn thành toàn bộ dự án.
- cột số (12), (13) báo cáo về dự án hoàn thành trong quý (bao gồm cả dự án hoàn thành 1 phần và dự án hoàn thành toàn bộ )

3.2 Số liệu về các dự án nhà ở xã hội đủ điều kiện vay gói 120 nghìn tỷ đã được UBND tỉnh/thành phố công bố trên Cổng thông tin điện tử

| STT | Tên và địa điểm XD dự án | Số văn bản công bố | Chủ đầu tư | Quy mô dự án | | | | Tiến độ thực hiện dự án | | | Nhu cầu vay vốn (tỷ đồng) | Tình hình giải ngân (tỷ đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Diện tích đất xây dựng (m2) | Tổng số căn hộ/nhà ở | Tổng diện tích sàn (m2) | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Khởi công | Hoàn thành | Tiến độ đến thời điểm báo cáo | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | |
| I | Nhà ở XH dành cho người có thu nhập thấp | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| II | Nhà ở XH dành cho công nhân | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |

4. Về dự án du lịch nghỉ dưỡng

Biểu 1

| STT | Dự án du lịch nghỉ dưỡng | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên Dự án | Địa điểm | Quy mô | | Đã được chấp thuận CTĐT | Đã lựa chọn Nhà đầu tư |
| | | | Diện tích | Tổng mức đầu tư | | |
| | | | | | | |
| *Tổng* | | - | - | - | - | - |

Biểu 2

| Đơn vị báo cáo | Dự án du lịch nghỉ dưỡng | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Được cấp phép | | | | Đang triển khai | | | | Hoàn thành | | | |
| | Số lượng dự án | Căn hộ du lịch (căn) | Biệt thự du lịch (căn) | Văn phòng kết hợp lưu trú (căn) | Số lượng dự án | Căn hộ du lịch (căn) | Biệt thự du lịch (căn) | Văn phòng kết hợp lưu trú (căn) | Số lượng dự án | Căn hộ du lịch (căn) | Biệt thự du lịch (căn) | Văn phòng kết hợp lưu trú (căn) |
| | | | | | | | | | | | | |
| *Tổng* | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

5. Giá bán và cho thuê nhà ở và một số loại hình bất động sản khác

| Đơn vị báo cáo | Giá bán | | | | Giá cho thuê | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhà ở riêng lẻ | Chung cư | Đất nền | Nhà ở xã hội | Văn phòng | Mặt bằng thương mại | Khách sạn, du lịch nghỉ dưỡng | Bất động sản công nghiệp | Nhà ở xã hội |
| | | | | | | | | | |
| | - | - | - | | - | - | - | - | |

6. Về lượng giao dịch BĐS, chứng chỉ môi giới BĐS

| Đơn vị báo cáo | Số lượng chứng chỉ MG được cấp (chứng chỉ) | Lượng giao dịch BĐS | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Chung cư (căn) | Đất nền (lô) | Nhà ở riêng lẻ (căn) | Tổng giá trị giao dịch (đồng) | |
| | | | | | | |
| *Tổng* | - | | - | | | |

7. Tồn kho bất động sản

Tồn kho bất động sản là số lượng bất động sản của dự án đủ điều kiện đưa vào giao dịch theo quy định của pháp luật nhưng chưa giao dịch trong kỳ báo cáo.